

Số:483 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Quyết định số 200/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy định về việc quản lý thực thi chiến lược phát triển các lĩnh vực Thông tin và Truyền thông được ban hành giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

a) Các đơn vị thuộc Bộ được phân công thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ

cụ thể tại Kế hoạch này có trách nhiệm đôn đốc, triển khai và tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu, tiến độ đề ra.

b) Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm xem xét, thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ cấp kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược trên cơ sở thực tế tình hình quản lý ngân sách của Bộ và theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ trong việc lập dự toán và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

c) Cục Chuyển đổi số quốc gia chủ trì, đôn đốc các đơn vị thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch; thực hiện chuyển đổi số công tác quản lý, thực thi Kế hoạch nhằm thực hiện hiệu quả công tác thực thi Chương trình, Chiến lược được giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1217/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1404/QĐ-BTTTT ngày 10/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phân công triển khai các nhiệm vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông được giao tại Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông có tên tại Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc; Công TTĐT Bộ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đơn vị chuyên trách CNTT các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, CDSQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Huy Dũng**

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**

**Triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ**

*(Kèm theo Quyết định số        /QĐ-BTTTT ngày        tháng        năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Thực hiện có hiệu quả, chất lượng Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tăng cường trách nhiệm, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia;

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 01/CT-BTTTT ngày 20/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về định hướng phát triển ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023 và giai đoạn 2024 - 2025.

**2. Yêu cầu**

- Xác định rõ nhiệm vụ, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực thi của từng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 749/QĐ-TTg và Quyết định số 942/QĐ-TTg;

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số quốc gia năm 2023 và các năm tiếp theo;

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong và ngoài Bộ để triển khai thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện chuyển đổi số, đổi mới phương thức quản lý, thực thi Kế hoạch.

## II. CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC THEO NĂM

### 1. Kịch bản tăng trưởng chỉ tiêu

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                                                                                  | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lượng, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 1       | <b>Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội</b>                                                                                                                                                                                 |             |                     |                     |                     |                         |                                 |                                           |
| 1.1     | Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình                                                                                                 | 98%         | 100%                | -                   | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.2     | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ | -           | 20%                 | 50%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.3     | Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương                                     | -           | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.4     | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần                                                                                                                           | -           | 30%                 | 60%                 | ≥ 80%               | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.5     | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ                                                                                                                                                                                     | 30.14%      | 50%                 | 100%                | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.6     | Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh                                                                                                                                                                     | 70.91%      | 80%                 | 90%                 | 100%                | QĐ<br>749               | Cục Viễn<br>thông               |                                           |

| ST<br>T  | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                            | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lường, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp               |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1.7      | Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang                                                                                                                              |             |                     |                     |                     |                         | Cục Viễn<br>thông               |                                                         |
| 1.7.1    | - Hộ gia đình                                                                                                                                                               | 75%         | 85%                 | 90%                 | > 80%               | QĐ<br>749               |                                 |                                                         |
| 1.7.2    | - Xã                                                                                                                                                                        | 100%        | 100%                | -                   | 100%                | QĐ<br>749               |                                 |                                                         |
| 1.8      | Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử                                                                                                                   | 66%         | 70%                 | 80%                 | ≥ 50%               | QĐ<br>749               | Vụ<br>KTS&XHS                   | NHNN Việt Nam                                           |
| 1.9      | Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính                                                                                                | 86,97%      | 90%                 | 95%                 | 90%                 | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ Nội vụ;<br>Các bộ, ngành,<br>địa phương              |
| 1.10     | Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay                                                                                             | -           | 5%                  | 10%                 | 20%                 | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Văn phòng<br>Chính phủ;<br>Các bộ, ngành,<br>địa phương |
| <b>2</b> | <b>Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội</b>                                                                                                                             |             |                     |                     |                     |                         |                                 |                                                         |
| 2.1      | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số                                       | 11,2%       | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 2.2      | Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước                                                            | -           | 10%                 | 30%                 | ≥ 50%               | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 2.3      | Tỷ lệ công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước | -           | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |

| ST<br>T  | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                     | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lượng, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp  |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------|
|          | và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số                                                                                                               |             |                     |                     |                     |                         |                                 |                                            |
| <b>3</b> | <b>Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước</b>                                                                                                            |             |                     |                     |                     |                         |                                 |                                            |
| 3.1      | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.                                              | 95%         | 100%                | -                   | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương               |
| 3.2      | Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc                                                                                                          | -           | 60%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ Nội vụ;<br>Các bộ, ngành,<br>địa phương |
| 3.3      | Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất                                | -           | 10%                 | 50%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương               |
| 3.4      | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật | 90%         | 95%                 | 100%                | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương               |
| 3.5      | Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)                                                            |             |                     |                     |                     |                         |                                 |                                            |
| 3.5.1    | Cấp bộ, tỉnh                                                                                                                                                         | 89,35%      | 90%                 | 100%                | 90%                 | QĐ<br>942;749           | Cục CĐSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương               |
| 3.5.2    | Cấp huyện                                                                                                                                                            | 81,11%      | 85%                 | 100%                | 80%                 | QĐ<br>942;749           | Cục CĐSQG                       | Các địa<br>phương                          |

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                                      | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lường, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp               |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 3.5.3   | Cấp xã                                                                                                                                                                                | 69,01%      | 75%                 | 90%                 | 60%                 | QĐ<br>942;749           | Cục CDSQG                       | Các địa<br>phương                                       |
| 3.6     | Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia                                                                                                        | 40,47%      | 60%                 | 90%                 | 100%                | QĐ<br>942;749           | Cục CDSQG                       | Văn phòng<br>Chính phủ;<br>Các bộ, ngành,<br>địa phương |
| 3.7     | Tỷ lệ hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định                                                                                                                  | -           | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942;749           | Cục CDSQG                       | Bộ Nội vụ                                               |
| 3.8     | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động                                     | -           | 50%                 | 70%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 3.9     | Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý                                               | -           | 10%                 | 20%                 | $\geq 50\%$         | QĐ<br>942;749           | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 3.10    | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản                                                                                                | 45%         | $>50\%$             | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 3.11    | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số                                                                      | 45%         | $>50\%$             | 90%                 | $\geq 50\%$         | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Các bộ, ngành,<br>địa phương                            |
| 3.12    | Tỷ lệ nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến. | -           | 10%                 | 40%                 | 70%                 | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ Nội vụ;<br>Các bộ, ngành,<br>địa phương              |

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                                                         | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lường, theo<br>đổi                          | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 4       | <b>Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội</b>                                                                                                                              |             |                     |                     |                     |                         |                                                          |                                           |
| 4.1     | Tỷ lệ người dân có danh tính số kèm theo QR code                                                                                                                                                         | 22%         | 30%                 | 70%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                                                | Bộ Công an                                |
| 4.2     | Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số                                                                                                                                                                          | -           | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Vụ Bru<br>chính;<br>Tổng Công<br>ty Bru điện<br>Việt Nam | Các địa<br>phương                         |
| 4.3     | Tỷ lệ người dân được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.                             | -           | 70%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục ATTT                                                 |                                           |
| 4.4     | Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.                                                                                                                                                         | -           | 80%                 | 90%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                                                | Bộ Y tế                                   |
| 4.5     | Tỷ lệ trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số                                                                                                                      | -           | 70%                 | 90%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                                                | Bộ Y tế                                   |
| 4.6     | Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế.                                                                                                   | -           | 20%                 | 50%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                                                | Bộ Y tế                                   |
| 4.7     | Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh. | -           | 30%                 | 60%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                                                | Bộ Y tế                                   |

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lượng, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 4.8     | Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | -           | 30%                 | 60%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ GD&ĐT                                  |
| 4.9     | Tỷ lệ cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới. | -           | 40%                 | 70%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ GD&ĐT                                  |
| 4.10    | Tỷ lệ người nông dân có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.                                                                                                                                        | -           | 10%                 | 50%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ NNPTNT                                 |
| 4.11    | Tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm; có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa.         | -           | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ LĐTBXH                                 |

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                                                                                                                          | Năm<br>2022 | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lường, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 4.12    | Tỷ lệ tuyến giao thông đường bộ cao tốc được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt       | -           | 100%                | -                   | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ GTVT                                   |
| 4.13    | Tỷ lệ phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.                                                                                                                                   | -           | 80%                 | 90%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ GTVT                                   |
| 4.14    | Tỷ lệ người nhập cảnh, xuất cảnh tại Việt Nam đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á. | -           | 100%                | 100%                | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ Công an                                |
| 4.15    | Tỷ lệ hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.       | -           | 100%                | 100%                | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CDSQG                       | Bộ Tài chính<br>(Tổng cục Hải<br>quan)    |
| 4.16    | Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh.                                                                                                        | 30,5%       | 38%                 | 70%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ KHĐT                                   |

| ST<br>T  | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                                                                                                                      | Năm<br>2022     | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lường, theo<br>đối | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 4.17     | Tỷ lệ cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số. | 100%            | -                   | -                   | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ Tài chính                              |
| 4.18     | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử                                                                                                           | 33%             | 60%                 | 70%                 | 50%                 | QĐ<br>749               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ Công<br>Thương                         |
| 4.19     | Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP <sup>1</sup>                                                                                                            | 14.26%          | 15,5%               | 17,5%               | 20%                 | QĐ<br>749               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ, ngành, địa<br>phương                  |
| 4.20     | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực                                                                                                        | -               | 6%                  | 8%                  | 10%                 | QĐ<br>749               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ, ngành, địa<br>phương                  |
| 4.21     | Tỷ lệ tăng năng suất lao động hàng năm                                                                                                                | -               | 7%                  | 7%                  | 7%                  | QĐ<br>749               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ, ngành, địa<br>phương                  |
| 4.22     | Tỷ lệ di sản của Việt Nam đều có hiện diện số và hình thành bản di dân số để người dân, khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số.   | -               | 50%                 | 80%                 | 100%                | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       | Bộ VHTTDL                                 |
| <b>5</b> | <b>Các chỉ tiêu quốc gia so với quốc tế</b>                                                                                                           |                 |                     |                     |                     |                         |                                 |                                           |
| 5.1      | Thứ hạng của Việt Nam về Chính phủ điện tử (EGDI)                                                                                                     | 86 <sup>2</sup> | -                   | 70                  | Top 50              | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       |                                           |

<sup>1</sup> Hiện nay, Tổng cục Thống kê đang trong quá trình hoàn thiện phương pháp và tổng hợp kết quả khảo sát. Bộ Thông tin và Truyền thông tạm ước tính theo số liệu doanh thu từ Tổng cục thuế năm 2022 phục vụ công tác quản lý chuyên ngành. Số liệu sẽ được điều chỉnh sau khi Tổng cục thống kê công bố chính thức phương pháp và kết quả tính toán

<sup>2</sup> Báo cáo khảo sát mức độ sẵn sàng CPĐT của Liên Hợp Quốc năm 2022

| ST<br>T | Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số                     | Năm<br>2022     | Kế<br>hoạch<br>2023 | Kế<br>hoạch<br>2024 | Mục<br>tiêu<br>2025 | Căn<br>cứ<br>pháp<br>lý | Đơn vị đo<br>lượng, theo<br>đổi | Cơ quan, đơn<br>vị thực hiện,<br>phối hợp |
|---------|------------------------------------------------------|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------|-------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 5.2     | Thứ hạng của Việt Nam về chỉ số tham gia điện tử     | 72 <sup>3</sup> | -                   | 65                  | Top 50              | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       |                                           |
| 5.3     | Thứ hạng của Việt Nam về chỉ số dữ liệu mở           | 87 <sup>4</sup> | -                   | 70                  | Top 50              | QĐ<br>942               | Cục CĐSQG                       |                                           |
| 5.4     | Thứ hạng của Việt Nam về an toàn, an ninh mạng (GCI) | 25 <sup>5</sup> | 30                  | -                   | Top 40              | QĐ<br>749               | Cục ATTT                        |                                           |
| 5.7     | Thứ hạng của Việt Nam về đổi mới sáng tạo (GII)      | 48 <sup>6</sup> | 45                  | 40                  | Top 35              | QĐ<br>942               | Vụ<br>KTS&XHS                   | Bộ KH-CN                                  |

---

<sup>3</sup> Báo cáo khảo sát mức độ sẵn sàng CPĐT của Liên Hợp Quốc năm 2022

<sup>4</sup> Báo cáo khảo sát mức độ sẵn sàng CPĐT của Liên Hợp Quốc năm 2022

<sup>5</sup> Báo cáo GCI năm 2021 của ITU

<sup>6</sup> Báo cáo GI của WIPO năm 2021

## **2. Tổ chức đo lường chỉ tiêu**

a) Các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy tăng trưởng chỉ tiêu nhằm đạt mục tiêu đến năm 2025; định kỳ đo lường, cung cấp số liệu chỉ tiêu Chiến lược do đơn vị mình phụ trách, gửi Cục Chuyển đổi số quốc gia kèm theo đánh giá xu hướng, đề xuất theo nguyên tắc “động, kịp thời” và “so sánh với quốc tế” theo quy định tại Quyết định số 200/QĐ-BTTTT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy định về việc quản lý thực thi chiến lược phát triển các lĩnh vực Thông tin và Truyền thông được ban hành giai đoạn 2020-2025, định hướng đến 2030. Cụ thể:

- Trước ngày 03/4, cung cấp số liệu Quý I (gồm: 03 tháng đầu năm và tháng 12 năm trước);

- Trước ngày 05/7, cung cấp số liệu Quý II, đồng thời đánh giá xu hướng 6 tháng đầu năm và đề xuất;

- Trước ngày 05/10, cung cấp số liệu Quý III;

- Trước ngày 05/12, cung cấp số liệu Quý IV (gồm: tháng 10 và 11).

*Biểu mẫu, số liệu cung cấp dạng tệp điện tử theo mẫu tại Phụ lục 01 kèm theo và/hoặc theo phương thức trực tuyến do Cục Chuyển đổi số quốc gia cung cấp.*

b) Cục Chuyển đổi số quốc gia tổng hợp số liệu các Quý, gửi Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông theo qui định tại Quyết định số 200/QĐ-BTTTT ngày 17/02/2023.

c) Trường hợp chưa có số liệu chính thức vào thời điểm cung cấp số liệu theo yêu cầu, đơn vị có thể cung cấp số liệu tạm ước tính và cập nhật ngay khi có số liệu.

## **3. Phối hợp đo lường chỉ tiêu, báo cáo thực hiện nhiệm vụ giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ có liên quan**

Đề nghị các bộ, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách xây dựng, triển khai kế hoạch thực thi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo Quyết định 749/QĐ-TTg, Quyết định 942/QĐ-TTg và định kỳ cung cấp số liệu chỉ tiêu do đơn vị mình phụ trách về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Chuyển đổi số quốc gia) theo kỳ báo cáo tại mục II.2 nêu trên.

## **III. PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Tổ chức triển khai, đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi, giám sát thực hiện Chiến lược**

- Nội dung: Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định 749/QĐ-TTg, Quyết định 942/QĐ-TTg; đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giải pháp Thủ tướng Chính phủ giao, tổng hợp, báo cáo đánh giá thực hiện Chiến lược theo qui định; hướng dẫn, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Đơn vị chủ trì: Cục Chuyển đổi số quốc gia.
- Đơn vị phối hợp: Các đơn vị thuộc Bộ TT&TT, các đơn vị chuyên trách CNTT các bộ, ngành, địa phương.

## **2. Các nhiệm vụ, giải pháp do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp thực hiện**

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể do Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 749/QĐ-TTg, Quyết định số 942/QĐ-TTg. Chi tiết tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 kèm theo.

- Đơn vị điều phối, đôn đốc: Cục Chuyển đổi số quốc gia.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KINH PHÍ**

1. Cục Chuyển đổi số quốc gia có trách nhiệm điều phối, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện; xây dựng công cụ, hệ thống/nền tảng số quản lý thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch năm, báo cáo Lãnh đạo Bộ.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm xem xét, thẩm định, báo cáo Lãnh đạo Bộ cấp kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thực hiện Quyết định 749/QĐ-TTg, Quyết định 942/QĐ-TTg trên cơ sở thực tế tình hình quản lý ngân sách của Bộ và theo quy định của pháp luật; hướng dẫn cụ thể các đơn vị thuộc Bộ trong việc lập dự toán và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

3. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 02, Phụ lục 03 Kế hoạch này có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt kế hoạch triển khai chi tiết, tổ chức thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo yêu cầu.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**PHỤ LỤC 01**

**Mẫu báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, Quyết định số 942/QĐ-TTg**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BTTTT ngày ... tháng ... năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021)*

Tên cơ quan/đơn vị báo cáo:

Kỳ báo cáo: Quý ..... năm 202....

Thông tin liên hệ (họ tên, số điện thoại; email): ...

*dữ liệu tệp .xls gửi về địa chỉ: ntthao@mic.gov.vn; kientran@mic.gov.vn*

*Cập nhật số liệu trực tuyến tại địa chỉ: (Cục Chuyển đổi số quốc gia cung cấp)*

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 749/QĐ-TTG NGÀY 03/6/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 942/QĐ-TTG NGÀY 15/6/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

| STT | Chỉ tiêu chiến lược                                                                                                               | Cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo | Kết quả Quý .../năm .... | Mục tiêu 2023 | Mục tiêu 2024 | Mục tiêu 2025 | Kinh nghiệm quốc tế (nhiệm vụ/sáng kiến, giải pháp) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|---------------|---------------|---------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội                                                                                        |                                   |                          |               |               |               |                                                     |
| 1.1 | Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Các bộ, ngành, địa phương         |                          | 100%          | -             | 100%          |                                                     |

|       |                                                                                                                                                                                                                                   |                           |  |      |      |             |  |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--|------|------|-------------|--|
| 1.2   | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ | Các bộ, ngành, địa phương |  | 20%  | 50%  | 100%        |  |
| 1.3   | Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương                                     | Các bộ, ngành, địa phương |  | 50%  | 80%  | 100%        |  |
| 1.4   | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần                                                                                                                           | Các bộ, ngành, địa phương |  | 30%  | 60%  | $\geq 80\%$ |  |
| 1.5   | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ                                                                                                                                                                                     | Các bộ, ngành, địa phương |  | 50%  | 100% | 100%        |  |
| 1.6   | Tỷ lệ người dân trưởng thành có điện thoại di động thông minh                                                                                                                                                                     | Cục Viễn thông            |  | 80%  | 90%  | 100%        |  |
| 1.7   | Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang                                                                                                                                                                                    | Cục Viễn thông            |  |      |      |             |  |
| 1.7.1 | - Hộ gia đình                                                                                                                                                                                                                     |                           |  | 85%  | 90%  | $> 80\%$    |  |
| 1.7.2 | - Xã                                                                                                                                                                                                                              |                           |  | 100% | -    | 100%        |  |
| 1.8   | Tỷ lệ dân số trưởng thành có                                                                                                                                                                                                      | NHNN Việt Nam;            |  | 70%  | 80%  | $> 50\%$    |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                   |  |      |     |       |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--|------|-----|-------|--|
| 1.0  | tài khoản thanh toán điện tử                                                                                                                                                                                                       | Vụ KTS&XHS                                        |  | 100% | 80% | ≤ 50% |  |
| 1.9  | Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính                                                                                                                                                       | Bộ Nội vụ;<br>Các bộ, ngành, địa phương           |  | 90%  | 95% | 90%   |  |
| 1.10 | Tỷ lệ thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay                                                                                                                                                    | Văn phòng Chính phủ;<br>Các bộ, ngành, địa phương |  | 5%   | 10% | 20%   |  |
| 2    | Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội                                                                                                                                                                                           |                                                   |  |      |     |       |  |
| 2.1  | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số                                                                                              | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | 50%  | 80% | 100%  |  |
| 2.2  | Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước                                                                                                                   | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | 10%  | 30% | ≥ 50% |  |
| 2.3  | Tỷ lệ cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | 50%  | 80% | 100%  |  |

|       |                                                                                                                                                                      |                                         |  |      |      |      |  |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--|------|------|------|--|
| 3     | Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước                                                                                                                   |                                         |  |      |      |      |  |
| 3.1   | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.                                              | Các bộ, ngành, địa phương               |  | 100% | -    | 100% |  |
| 3.2   | Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc                                                                                                          | Bộ Nội vụ;<br>Các bộ, ngành, địa phương |  | 60%  | 80%  | 100% |  |
| 3.3   | Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất                                | Các bộ, ngành, địa phương               |  | 10%  | 50%  | 100% |  |
| 3.4   | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật | Các bộ, ngành, địa phương               |  | 95%  | 100% | 100% |  |
| 3.5   | Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)                                                            |                                         |  |      |      |      |  |
| 3.5.1 | Cấp bộ, tỉnh                                                                                                                                                         | Các bộ, ngành, địa phương               |  | 90%  | 100% | 90%  |  |
| 3.5.2 | Cấp huyện                                                                                                                                                            | Các địa phương                          |  | 85%  | 100% | 80%  |  |

|       |                                                                                                                                                   |                                                   |  |      |     |       |  |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--|------|-----|-------|--|
| 3.5.3 | Cấp xã                                                                                                                                            | Các địa phương                                    |  | 75%  | 90% | 60%   |  |
| 3.6   | Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia                                                                    | Văn phòng Chính phủ;<br>Các bộ, ngành, địa phương |  | 60%  | 90% | 100%  |  |
| 3.7   | Tỷ lệ hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định                                                                              | Bộ Nội vụ                                         |  | 50%  | 80% | 100%  |  |
| 3.8   | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | 50%  | 70% | 100%  |  |
| 3.9   | Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý           | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | 10%  | 20% | ≥ 50% |  |
| 3.10  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản                                                            | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | >50% | 80% | 100%  |  |
| 3.11  | Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số                                  | Các bộ, ngành, địa phương                         |  | >50% | 90% | ≥ 50% |  |
|       | Tỷ lệ nội dung chương trình                                                                                                                       | Bộ Nội vụ;                                        |  |      |     |       |  |

|      |                                                                                                                                                                              |                                                                    |  |     |     |      |  |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--|-----|-----|------|--|
| 3.12 | đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên                                                                                                | Các bộ, ngành, địa phương                                          |  | 10% | 40% | 70%  |  |
| 4    | Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội                                                                                                         |                                                                    |  |     |     |      |  |
| 4.1  | Tỷ lệ người dân có danh tính số kèm theo QR code                                                                                                                             | Bộ Công an                                                         |  | 30% | 70% | 100% |  |
| 4.2  | Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số                                                                                                                                              | Vụ Bưu chính;<br>Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;<br>Các địa phương |  | 50% | 80% | 100% |  |
| 4.3  | Tỷ lệ người dân được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật. | Cục ATTT                                                           |  | 70% | 80% | 100% |  |
| 4.4  | Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.                                                                                                                             | Bộ Y tế                                                            |  | 80% | 90% | 100% |  |
| 4.5  | Tỷ lệ trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số                                                                                          | Bộ Y tế                                                            |  | 70% | 90% | 100% |  |
| 4.6  | Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế.                                                                       | Bộ Y tế                                                            |  | 20% | 50% | 100% |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |           |  |     |     |      |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|-----|-----|------|--|
| 4.7  | Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.                                                                                                                                                              | Bộ Y tế   |  | 30% | 60% | 100% |  |
| 4.8  | Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ sổ về việc học tập cá nhân.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ GD&ĐT  |  | 30% | 60% | 100% |  |
| 4.9  | Tỷ lệ cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới. | Bộ GD&ĐT  |  | 40% | 70% | 100% |  |
| 4.10 | Tỷ lệ người nông dân có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.                                                                                                                                        | Bộ NNPTNT |  | 10% | 50% | 100% |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |  |      |     |      |  |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|------|-----|------|--|
| 4.11 | Tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động đều có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm; có khả năng tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến MOOC (Massive Open Online Course) được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho vùng sâu, vùng xa. | Bộ LĐTBXH |  | 50%  | 80% | 100% |  |
| 4.12 | Tỷ lệ tuyến giao thông đường bộ cao tốc được triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh. Triển khai thu phí điện tử không dừng tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt                                                                                                           | Bộ GTVT   |  | 100% | -   | 100% |  |
| 4.13 | Tỷ lệ phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán đa mục đích cho các dịch vụ giao thông đường bộ.                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ GTVT   |  | 80%  | 90% | 100% |  |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                           |                                     |  |        |        |      |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--|--------|--------|------|--|
| 4.14 | Tỷ lệ người nhập cảnh, xuất cảnh tại Việt Nam đều có thể dễ dàng, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện các thủ tục cần thiết nhờ sự trợ giúp hiệu quả của các quy trình đã được tự động hóa, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á. | Bộ Công an                          |  | 100%   | 100%   | 100% |  |
| 4.15 | Tỷ lệ hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện xuất nhập cảnh được quản lý từ khâu đầu đến khâu cuối sử dụng nền tảng công nghệ số, giảm thiểu thời gian, nhanh chóng thực hiện thủ tục hải quan, thuộc nhóm 03 nước tốt nhất trong khu vực Đông Nam Á.       | Bộ Tài chính<br>(Tổng cục Hải quan) |  | 100%   | 100%   | 100% |  |
| 4.16 | Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng                                                                                                                                                                | Bộ KHĐT;<br>Vụ KTS&XHS              |  | 38%    | 70%    | 100% |  |
| 4.17 | Tỷ lệ cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.                                                                                                     | Bộ Tài chính                        |  | -      | -      | 100% |  |
| 4.18 | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử                                                                                                                                                                                                               | Bộ Công Thương;<br>Vụ KTS&XHS       |  | 60%    | 70%    | 50%  |  |
| 4.19 | <u>Tỷ lệ trong kinh tế số trên</u>                                                                                                                                                                                                                        | Bộ, ngành, địa phương;              |  | 15,50% | 17,50% | 20%  |  |

|      |                                                                                                                                                     |                                      |  |         |         |        |  |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--|---------|---------|--------|--|
| 4.19 | <a href="#">GRDP[1]</a>                                                                                                                             | Vụ KTS&XHS                           |  | 13.50 % | 17.50 % | 20 %   |  |
| 4.20 | Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực                                                                                                      | Bộ, ngành, địa phương;<br>Vụ KTS&XHS |  | 6%      | 8%      | 10%    |  |
| 4.21 | Tỷ lệ tăng năng suất lao động hàng năm                                                                                                              | Bộ, ngành, địa phương;<br>Vụ KTS&XHS |  | 7%      | 7%      | 7%     |  |
| 4.22 | Tỷ lệ di sản của Việt Nam đều có hiện diện số và hình thành bản di dân số để người dân, khách du lịch có thể truy cập thuận lợi trên môi trường số. | Bộ VHTTDL                            |  | 50%     | 80%     | 100%   |  |
| 5    | Các chỉ tiêu quốc gia so với quốc tế                                                                                                                |                                      |  |         |         |        |  |
| 5.1  | Thứ hạng của Việt Nam về Chính phủ điện tử (EGDI)                                                                                                   | Cục CĐSQG                            |  | -       | 70      | Top 50 |  |
| 5.2  | Thứ hạng của Việt Nam về chỉ số tham gia điện tử                                                                                                    | Cục CĐSQG                            |  | -       | 65      | Top 50 |  |
| 5.3  | Thứ hạng của Việt Nam về chỉ số dữ liệu mở                                                                                                          | Cục CĐSQG                            |  | -       | 70      | Top 50 |  |
| 5.4  | Thứ hạng của Việt Nam về an toàn, an ninh mạng (GCI)                                                                                                | Cục ATTT                             |  | 30      | -       | Top 40 |  |
| 5.7  | Thứ hạng của Việt Nam về đổi mới sáng tạo (GII)                                                                                                     | Bộ KHCHN;<br>Vụ KTS&XHS              |  | 45      | 40      | Top 35 |  |

## II. ĐÁNH GIÁ XU HƯỚNG

(đánh giá xu hướng phát triển, xu hướng thực hiện các mục tiêu được giao)

### **III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

### **IV. ĐỀ XUẤT**

## PHỤ LỤC 02

### **Phân công thực hiện nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTTTT ngày .../.../2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị chủ trì        | Đơn vị phối hợp                                 | Kết quả, dự kiến                                                               | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1  | Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, gỡ bỏ. Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số có sứ mệnh bảo đảm thông tin đáng tin cậy, an toàn, lành mạnh, phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản | Xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, gỡ bỏ. Yêu cầu các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và nền tảng số có sứ mệnh bảo đảm thông tin đáng tin cậy, an toàn, lành mạnh, phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản. | Cục An toàn thông tin | Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử | Hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng. | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị chủ trì                                     | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                           | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 2  | Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả người sử dụng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước những rủi ro và khi xảy ra sự cố | Xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam, giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả người sử dụng và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước những rủi ro và khi xảy ra sự cố. | Cục An toàn thông tin                              | Các đơn vị thuộc Bộ | Hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng | 2021-2025                       | -                                                      |
| 3  | Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây dùng riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội                     | Xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud) với các mô hình triển khai (đám mây công cộng, đám mây dùng riêng, đám mây lai) và các loại hình dịch vụ cung cấp trên đám mây khác nhau, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước và xã hội.                     | Cục An toàn thông tin, Cục Chuyển đổi số quốc gia  | Các đơn vị thuộc Bộ | Hướng dẫn mô hình triển khai và cung cấp dịch vụ Cloud cho các cơ quan nhà nước.           | 2021-2025                       | -                                                      |
| 4  | Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy                                                                                    | Xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy.                                                                                    | Cục An toàn thông tin; Cục Chuyển đổi số quốc gia. | Các đơn vị thuộc Bộ | Hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin.                                 | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị chủ trì                                                | Đơn vị phối hợp            | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số                                                                                                                                | Chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số.                                                                                                                               | Cục Báo chí; Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cục Chuyển đổi số quốc gia | - Hình thành chuyên mục tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng;<br>- Tài liệu chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số. | Hằng năm                        | -                                                                                                                                                                                    |
| 6  | Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. | Phát triển Hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 4 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. | Cục Bưu điện trung ương; Cục An toàn thông tin                |                            | Hạ tầng chính phủ số được hình thành, phát triển                                                                                                                                                      | 2021-2025                       | - Tỷ lệ hộ gia đình được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang;<br>- Tỷ lệ xã được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang;<br>- Tỷ lệ xã phường, thị trấn được phủ dịch vụ mạng di động |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Mô tả nội dung | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp | Kết quả, dự kiến | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|---------------------|----------------|----------------|-----------------|------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                     |                |                |                 |                  |                                 | 4G/5G;<br>- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);<br>- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);<br>- Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                       | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 7  | Duy trì hoạt động hiệu quả Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam để truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, chủ động tiên phong thực hiện chuyển đổi số và tạo ra hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp khác của Việt Nam thực hiện chuyển đổi số. | Xây dựng, duy trì hoạt động hiệu quả Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam để truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, chủ động tiên phong thực hiện chuyển đổi số và tạo ra hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp khác của Việt Nam thực hiện chuyển đổi số | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Liên minh Chuyển đổi số trên cơ sở tập hợp các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu Việt Nam hoạt động hiệu quả.                            | Hằng năm                        | -                                                      |
| 8  | Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.                                                                                                                              | Thực hiện các hoạt động nhằm liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.                                                                                                                           | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo để các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hội, hiệp hội tham gia, thảo luận, trao đổi giải pháp. | 2021-2025                       | -                                                      |
| 9  | Xây dựng bộ nhận diện sử dụng chung cho các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu quốc gia về chuyển đổi số,                                                                                                                                                                                                     | Xây dựng bộ nhận diện sử dụng chung cho các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng hình ảnh, thương hiệu quốc gia về chuyển đổi số,                                                                                                                                                                                                              | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Bộ nhận diện chuyển đổi số                                                                                                             | 2022                            | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                           | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                            |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | công nghệ số, đổi mới, công nghiệp sáng tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | công nghệ số, đổi mới, công nghiệp sáng tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                     |                                                                                            |                                 |                                                                                                                                                   |
| 10 | Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế | Triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế         | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được hình thành, khai thác sử dụng. | Hàng năm                        | -                                                                                                                                                 |
| 11 | Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở, cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các bộ,  | Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn), tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hóa, cung cấp dữ liệu mở, cung cấp hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ và sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các bộ, | Cục Chuyên đổi số quốc gia |                     | Cổng dữ liệu quốc gia (data.gov.vn); Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.          | 2021-2025                       | <i>Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số( **)</i> |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp       | Kết quả, dự kiến                                                                 | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    | ngành, địa phương. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng                                                                                                                                                                                                         | ngành, địa phương. Phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương nhằm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu để cùng khai thác, sử dụng.                                                                                                                                                                                                        |                            |                       |                                                                                  |                                 |                                                        |
| 12 | Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng | Áp dụng công nghệ mới nhất về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước và cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ   | Các công nghệ mới được áp dụng, khai thác sử dụng trong các nền tảng số.         | 2021-2025                       | -                                                      |
| 13 | Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc                                                                                                                                                                                                                                    | Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc                                                                                                                                                                                                                                    | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Cục An toàn thông tin | Thử nghiệm thành công một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh, thử nghiệm | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                       | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | trung ương để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng | trung ương để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, phát triển bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn. Xác định mô hình triển khai thành công để phổ biến, nhân rộng |                            |                     | Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh; danh sách các đô thị điển hình triển khai dịch vụ đô thị thông minh; xác định được các mô hình triển khai thành công. |                                 |                                                                                                                                                                                                                     |
| 14 | Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước                                                          | Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.                                                         | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Chương trình, Đề án nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số được ban hành                                                        | 2021-2025                       | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số (*) |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                               | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | Xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp | Xây dựng và triển khai Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh và từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Chương trình/Đề án Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống.   | 2021-2025 (đã hoàn thành).      | -                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 16 | Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương                                                                                                                                                                                                 | Lựa chọn, đào tạo, tập huấn đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương.                                                                                                                                                                                                 | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Hình thành đội ngũ tối thiểu 1000 chuyên gia về chuyển đổi số cho ngành, lĩnh vực, địa phương. | 2021-2025                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;</li> <li>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số</li> </ul> |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                               | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                             | Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                             | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Thiết lập các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số và tổ chức triển khai. | 2021-2025                       | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số |
| 18 | Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa | Cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; công nhận giá trị của các chứng chỉ học trực tuyến; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hóa. | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | - Các khóa học đại trà trực tuyến mở trên nền tảng số;<br>- Triển khai và qui định về thi trực tuyến.          | 2021-2025                       | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>Đơn vị chủ trì</b>                             | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                    | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 19        | Nghiên cứu quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số bao gồm các chỉ số đánh giá về Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của quốc gia, từng ngành, từng địa phương trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bộ chỉ số đo lường Chính phủ điện tử | Nghiên cứu quốc tế, xây dựng và thường xuyên cập nhật, bổ sung bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số bao gồm các chỉ số đánh giá về Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của quốc gia, từng ngành, từng địa phương trên cơ sở kế thừa, phát triển từ bộ chỉ số đo lường Chính phủ điện tử. | Cục Chuyển đổi số quốc gia                        | Các đơn vị thuộc Bộ    | Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; triển khai đánh giá hằng năm.     | 2021-2025                              | -                                                             |
| 20        | Định kỳ Hằng năm công bố kết quả đánh giá về chuyển đổi số làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chương trình                                                                                                                                                                         | Hằng năm công bố kết quả đánh giá về chuyển đổi số làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, điều chỉnh Chương trình                                                                                                                                                                                  | Cục Chuyển đổi số quốc gia                        | Các đơn vị thuộc Bộ    | Công bố kết quả đánh giá về chuyển đổi số.                                 | 2021-2025                              | -                                                             |
| 21        | Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả | Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả. | Cục Chuyển đổi số quốc gia, Cục An toàn thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ    | Hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương được hình thành. | 2021-2025                              | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị chủ trì                                         | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                        | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 22 | Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các hệ thống này | Xác định danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, nội dung số, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp, đô thị, ngân hàng số và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đầu tư phát triển các hệ thống này | Cục Chuyển đổi số quốc gia, Cục Công nghiệp CNTT và TT |                     | Danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung                             | 2021-2025                       | -                                                      |
| 23 | Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và bộ chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin                                                                                                                                     | Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào các bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI Index), bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và bộ chỉ số công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index), bộ chỉ số đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin.                                                                                                                                    | Cục Chuyển đổi số quốc gia; Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ | Tiêu chí chuyển đổi số được bổ sung trong các bộ tiêu chí đánh giá ParIndex, ICT Index. | 2023                            | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị chủ trì                                                                                | Đơn vị phối hợp      | Kết quả, dự kiến                                | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 24 | Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại | Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR). Ưu đãi, hỗ trợ mạnh các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp lớn, truyền thống đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động sản xuất, thương mại. | Cục Chuyển đổi số quốc gia; Cục Công nghiệp CNTT và TT; Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia | Các đơn vị liên quan | Chính sách ưu đãi, hỗ trợ được ban hành.        | 2021-2025                       | -                                                      |
| 25 | Xây dựng hệ thống điện toán có năng lực đủ mạnh để xử lý, phân tích dữ liệu, huy động được sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác phục vụ phát triển hệ sinh thái sản phẩm sáng tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo                                                                                                                                                                         | Xây dựng hệ thống điện toán có năng lực đủ mạnh để xử lý, phân tích dữ liệu, huy động được sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác phục vụ phát triển hệ sinh thái sản phẩm sáng tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo.                                                                                                                                                                         | Cục Chuyển đổi số quốc gia; Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam                 | Các đơn vị thuộc Bộ  | Hệ thống điện toán để xử lý, phân tích dữ liệu. | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                                                                                       | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 26 | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng | Triển khai rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ | Báo cáo đề xuất; danh sách văn bản được sửa đổi, bổ sung.                                                                                                                                                                                              | 2021-2025                       | -                                                      |
| 27 | Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo                                                                               | Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo                                                                                          | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ | Văn bản pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo. | 2024                            | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                      | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                            | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b>                            | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                   | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 28        | Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách      | Xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các hội, hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp trong xây dựng và thực thi chính sách.      | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Cục Chuyển đổi số quốc gia; các đơn vị liên quan. | Các cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và các bên được tạo lập. | 2024                                   | -                                                             |
| 29        | Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới | Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới. | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ                               | Văn bản đề xuất.                                          | 2024                                   | -                                                             |
| 30        | Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số                                                                                                                                               | Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số                                                                                                                                                | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ                               | Hình thành 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số.        | 2023                                   | -                                                             |
| 31        | Chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm sản phẩm theo hướng “Make in Viet Nam” - sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam và sản xuất tại Việt Nam                                        | Xây dựng chiến lược, chương trình Make in Viet Nam.                                                                                                                                              | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ                               | Chương trình, chiến lược được ban hành.                   | 2024                                   | -                                                             |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Đơn vị chủ trì</b>                           | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                                             | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 32        | Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ, sản xuất các thiết bị số như điện thoại thông minh, tivi thông minh, máy tính bảng, các thiết bị IoT,... để phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng | Nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ, sản xuất các thiết bị số như điện thoại thông minh, tivi thông minh, máy tính bảng, các thiết bị IoT,... để phục vụ nhu cầu của xã hội, đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng | Cục Công nghiệp CNTT và TT                      | Các đơn vị thuộc Bộ    | Có công trình nghiên cứu, triển khai ứng dụng thực tiễn trong các doanh nghiệp Việt Nam để sản xuất tại điện thoại thông minh, tivi thông minh, máy tính bảng, các thiết bị IoT,... | 2025                                   | -                                                             |
| 33        | Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin trong môi trường số, hình thành văn hóa số gắn liền với bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản của nhân loại và văn hóa truyền thống của Việt Nam                 | Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin trong môi trường số, hình thành văn hóa số gắn liền với bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản của nhân loại và văn hóa truyền thống của Việt Nam.                | Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử | Các đơn vị thuộc Bộ    | Bộ qui tắc ứng xử trên không gian mạng được ban hành.                                                                                                                               | 2021-2025 (đã hoàn thành)              | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị chủ trì | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                            | Thời gian thực hiện, hoàn thành   | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 34 | Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc, bắt đầu từ các thành phố lớn, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện                                                             | Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc, bắt đầu từ các thành phố lớn, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.                                                             | Cục Viễn thông | Các đơn vị thuộc Bộ | Hình thành hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc. | Hằng năm                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang;</li> <li>- Tỷ lệ xã được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang;</li> <li>- Tỷ lệ xã phường, thị trấn được phủ dịch vụ mạng di động 4G/5G</li> </ul> |
| 35 | Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân | Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xây dựng và triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân. | Cục Viễn thông | Các đơn vị thuộc Bộ | Đã hoàn thành.                                              | Triển khai thực hiện Mobile Money | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử</li> </ul>                                                                                                                                            |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị chủ trì                                                                                 | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                            | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                                                                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 36 | Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để phát triển hạ tầng số                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để phát triển hạ tầng số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cục Viễn thông                                                                                 | Các đơn vị thuộc Bộ | Cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông được ban hành.             | 2023                            | -                                                                                                                              |
| 37 | Quy hoạch băng tần, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; sớm thương mại hóa mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; xây dựng quy định và lộ trình yêu cầu tích hợp công nghệ 4G, 5G đối với các sản phẩm điện thoại di động và các thiết bị Internet vạn vật (IoT) được sản xuất và nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước | Quy hoạch băng tần, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; sớm thương mại hóa mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; xây dựng quy định và lộ trình yêu cầu tích hợp công nghệ 4G, 5G đối với các sản phẩm điện thoại di động và các thiết bị Internet vạn vật (IoT) được sản xuất và nhập khẩu để lưu thông trên thị trường trong nước. | Cục Viễn thông, Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Công nghiệp CNTT và TT, Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị thuộc Bộ | Quy hoạch được ban hành; các giải pháp thương mại hóa 5G, phổ cập điện thoại thông minh,... | 2021-2025                       | - Xếp hạng về công nghệ thông tin (IDI) thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu;<br>'- Tỷ lệ người dân có điện thoại di động thông minh |
| 38 | Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật dân sự, hình sự và các luật chuyên ngành theo hướng tăng nặng mức và hình phạt cho các hành vi lừa đảo, gian lận khi giao dịch trên không gian mạng cũng như các hành vi lợi dụng, khai thác                                                                                                                                                                             | Thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật dân sự, hình sự và các luật chuyên ngành theo hướng tăng nặng mức và hình phạt cho các hành vi lừa đảo, gian lận khi giao dịch trên không gian mạng cũng như các hành vi lợi dụng,                                                                                                                                                                              | Thanh tra Bộ                                                                                   | Các đơn vị thuộc Bộ | Báo cáo đề xuất; danh sách văn bản được sửa đổi, bổ sung                                    | 2021-2025                       | -                                                                                                                              |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị chủ trì                                                                       | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                            | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    | trái phép thông tin riêng, cá nhân trên mạng để người dùng an tâm khi thực hiện các giao dịch số                                                                                                                                                                                                                                                             | khai thác trái phép thông tin riêng, cá nhân trên mạng để người dùng an tâm khi thực hiện các giao dịch số                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                      |                     |                                                                                             |                                 |                                                        |
| 39 | Nghiên cứu, phát triển Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode phục vụ phát triển kinh tế - xã hội                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nghiên cứu, phát triển Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng công ty Bưu điện Việt Nam                                                       | Các đơn vị thuộc Bộ | Hệ thống mã địa chỉ bưu chính – Vpostcode được hình thành, khai thác, phát triển.           | 2024                            | -                                                      |
| 40 | Thiết lập khung danh tính số quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Thiết lập khung danh tính số quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia                                                | Các đơn vị thuộc Bộ | Khung danh tính số quốc gia.                                                                | 2023                            | -                                                      |
| 41 | Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số | Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số. | Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia; , Cục Công nghiệp CNTT và TT, Cục Viễn thông, | Các đơn vị thuộc Bộ | - Luật Giao dịch điện tử sửa đổi được ban hành;<br>- Luật Viễn thông sửa đổi được ban hành. | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị chủ trì                              | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                  | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 42 | Mở rộng kết nối Internet trong nước thông qua các kết nối trực tiếp ngang hàng, kết nối tới trạm trung chuyển Internet (IXP), tới trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX. Mở rộng kết nối Internet khu vực và quốc tế, đặc biệt là phát triển các tuyến cáp quang biển, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm kết nối khu vực. Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn) | Mở rộng kết nối Internet trong nước thông qua các kết nối trực tiếp ngang hàng, kết nối tới trạm trung chuyển Internet (IXP), tới trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX. Mở rộng kết nối Internet khu vực và quốc tế, đặc biệt là phát triển các tuyến cáp quang biển, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm kết nối khu vực. Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn). | Trung tâm Internet Việt Nam                 | Các đơn vị thuộc Bộ |                                                                                                   | 2021-2025                       | - Xếp hạng về công nghệ thông tin (IDI) thuộc nhóm 50 quốc gia dẫn đầu; |
| 43 | Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Trung tâm Internet Việt Nam, Cục Viễn thông | Các đơn vị thuộc Bộ | Hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng | 2021-2025                       | -                                                                       |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                        | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị chủ trì                                    | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                   | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    | cầu thành quan trọng của hạ tầng số                                                                                                                                                                                                        | cầu thành quan trọng của hạ tầng số                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                     | công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu.                                                                                                            |                                 |                                                        |
| 44 | Xây dựng chiến lược, chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ                                                                                                         | Xây dựng chiến lược, chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ.                                                                                                         | Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông         | Các đơn vị thuộc Bộ | Chiến lược phát triển dữ liệu số.                                                                                                                  | 2023                            | -                                                      |
| 45 | Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số Việt Nam đa dạng, hấp dẫn                                                                                        | Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số Việt Nam đa dạng, hấp dẫn.                                                                                        | Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam | Các đơn vị thuộc Bộ | Các sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số Việt Nam.                                                                                  | 2021-2025                       | -                                                      |
| 46 | Triển khai các biện pháp kỹ thuật và phi kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý các nền tảng số toàn cầu hoạt động xuyên biên giới tại Việt Nam, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng đối với doanh nghiệp nội dung số trong nước | Triển khai các biện pháp kỹ thuật và phi kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý các nền tảng số toàn cầu hoạt động xuyên biên giới tại Việt Nam, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng đối với doanh nghiệp nội dung số trong nước. | Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam | Các đơn vị thuộc Bộ | Các biện pháp, giải pháp kỹ thuật và phi kỹ thuật cụ thể được ứng dụng để quản lý các nền tảng số toàn cầu hoạt động xuyên biên giới tại Việt Nam. | 2021-2025                       | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                           | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị chủ trì                                    | Đơn vị phối hợp            | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                 | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 47 | Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số          | hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.                   | Vụ HTQT                                           | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số | 2021-2025                       | -                                                      |
| 48 | Chủ trì, phối hợp xây dựng các chương trình nghiên cứu, chuyển giao, triển khai công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại trong lĩnh vực thông tin và truyền thông                       | Xây dựng các chương trình nghiên cứu, chuyển giao, triển khai công nghệ mới, kết nối chuỗi tri thức từ nghiên cứu, phát triển đến thương mại trong lĩnh vực thông tin và truyền thông                                          | Vụ Khoa học và Công nghệ                          | Các đơn vị thuộc Bộ        | Các chương trình nghiên cứu, chuyển giao, triển khai công nghệ mới.                                                                                                              | 2021-2025                       | -                                                      |
| 49 | Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về ứng dụng và phát triển công nghệ số, các mối quan hệ mới trong quá trình chuyển đổi số | Nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về ứng dụng và phát triển công nghệ số, các mối quan hệ mới trong quá trình chuyển đổi số. | Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Kế hoạch - Tài chính | Các đơn vị thuộc Bộ        | Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về ứng dụng và phát triển công nghệ số                                                                           | Hàng năm.                       | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                       | <b>Đơn vị chủ trì</b> | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                   | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 749/QĐ-TTg</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                             |                       |                        | được sửa đổi hoặc ban hành mới.                           |                                        |                                                               |
| 50        | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo | Thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. | Vụ Pháp chế           | Các đơn vị thuộc Bộ    | Báo cáo đề xuất; danh sách văn bản được sửa đổi, bổ sung. | Hàng năm                               | -                                                             |

### PHỤ LỤC 03

**Phân công thực hiện nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 (Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021)**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTTTT ngày .../.../2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                 | Mô tả nội dung                                                                      | Đơn vị chủ trì        | Đơn vị phối hợp | Kết quả, dự kiến                                                                    | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1  | Tổ chức triển khai các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng                    | Tổ chức triển khai các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng.                   | Cục An toàn thông tin |                 | Các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng                                       | Hàng năm                        | -                                                      |
| 2  | Điều phối mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia                   |                                                                                     | Cục An toàn thông tin |                 | Văn bản chỉ đạo, điều hành; hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia | 2025                            | -                                                      |
| 3  | Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử | Xây dựng Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử | Cục An toàn thông tin |                 | Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ điện tử          | 2025                            | -                                                      |
| 4  | Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an        | Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an        | Cục An toàn thông tin |                 | Hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn                                              | 2021-2025                       | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                              | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                               | <b>Đơn vị chủ trì</b>   | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                        | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|           | toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử                                                                | toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử                                                                                                                                                            |                         |                        | luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin                                                    |                                        |                                                               |
| 5         | Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin                                                 | Xây dựng hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.                                                                                                                                            | Cục An toàn thông tin   |                        | Hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin                                                 | 2021-2025                              | -                                                             |
| 6         | Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia | Xây dựng hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia                                                                                             | Cục An toàn thông tin   |                        | Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu lớn phục vụ nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia | 2021-2025                              | -                                                             |
| 7         | Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng                                | Xây dựng hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng                                                                                                                            | Cục An toàn thông tin   |                        | Hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng                                | 2021-2025                              | -                                                             |
| 8         | Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại Bộ                                  | Phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại Bộ theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. | Cục Bưu điện Trung ương |                        | Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước hoạt động ổn định, an toàn.     | 2025                                   |                                                               |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                  | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 9         | Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số | Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã trên cơ sở Mạng Truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng của các bộ, ngành, địa phương, mạng Internet băng rộng để phục vụ Chính phủ số | Cục Bưu điện Trung ương    |                        | Hạ tầng mạng chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối 4 cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã | Hàng năm                               | -                                                             |
| 10        | Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                             | Lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu                                                   | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        | Các ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia                                                                    | 2025                                   | -                                                             |
| 11        | Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực                                                                                                                                                                              | Phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia để triển khai Chính phủ số và dẫn dắt chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo                                                                                                                                                   | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        | Ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia                                                                        | 2025                                   | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                          | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                     | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                        | Chương trình Chuyển đổi số quốc gia                                                                                                                     |                            |                 |                                                                                                                                                                                      |                                 |                                                        |
| 12 | Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ Trung ương đến địa phương để triển khai Chính phủ số, chuyển đổi số |                                                                                                                                                         | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                 | BCĐ Chuyển đổi số các bộ, ngành, địa phương được kiện toàn                                                                                                                           | 2023                            | -                                                      |
| 13 | Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa                           | Tổ chức các hội nghị, hội thảo, chương trình tập huấn, hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân                                                      | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                 | Nội dung, tài liệu, khóa học nhằm phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp thông qua các hoạt động xã hội hóa | Hàng năm                        | -                                                      |
| 14 | Ban hành quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số                                                        | Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                 | Các nền tảng quốc gia được mở để tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể                                                                                      | 2025                            | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                   | Mô tả nội dung                                                                                                      | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                       |                                                                                                                     |                            |                     | tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số.                                                          |                                 |                                                        |
| 15 | Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số          |                                                                                                                     | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                     | Văn bản quy định về việc sử dụng sản phẩm, giải pháp đã được đánh giá, kiểm định trong triển khai Chính phủ số. | 2025                            | -                                                      |
| 16 | Duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số                                              | Xây dựng phiên bản cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số. | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Xây dựng Khung Kiến trúc phiên bản cập nhật.                                                                    | 2023                            | -                                                      |
| 17 | Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương | Xây dựng Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ                                                                       | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Đưa vào sử dụng nền tảng điện toán đám mây chính phủ                                                            | 2023                            | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                         | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                                                                                          |
|----|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia | Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp nhằm khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương bảo đảm tuân thủ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Tối thiểu 860 triệu giao dịch thực hiện qua nền tảng.    | 2023                            | -                                                                                                                                                                                                               |
| 19 | Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia       | Xây dựng Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia đưa vào sử dụng. | 2023                            | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                            | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                        | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                                                                                                                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20        | Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi | Phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số mọi lúc, mọi nơi. | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ    | Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số | 2021-2025                              | - Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương |
| 21        | Xây dựng Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số                                                                                                                         | Xây dựng Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.                                                                                                                         | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        | Hệ thống kiểm định chức năng, hiệu năng các sản phẩm, giải pháp phục vụ Chính phủ số.                          | 2025                                   | -                                                                                                                                                                                               |
| 22        | Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước                                                                                                                     | Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước.                                                                                                                     | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        | Hệ thống giám sát, đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính phủ số của các cơ quan nhà nước.                      | 2021-2025                              | -                                                                                                                                                                                               |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                     | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                           | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                    | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                                                                               |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 23        | Xây dựng Cổng công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam                                                                              | Xây dựng Cổng công nghệ mở (GovTech) của Việt Nam                                                                               | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        |                                            | Đã hoàn thành                          | - Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số     |
| 24        | Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia                                                                                                 | Xây dựng Cổng dữ liệu quốc gia                                                                                                  | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ    | Cổng dữ liệu quốc gia                      | 2021-2025                              | - Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia Cổng dữ liệu và cung cấp dữ liệu Cổng phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số |
| 25        | Xây dựng Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ | Xây dựng Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ. | Cục Chuyển đổi số quốc gia |                        | Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc | 2024                                   | -                                                                                                                                           |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                      | Mô tả nội dung                                                                                    | Đơn vị chủ trì             | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                           | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số                                                                                                                                                                                                         | Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ chuyên gia về CPĐT, CPS | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Các khóa bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính phủ số                          | Hàng năm                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;</li> <li>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số</li> </ul> |
| 27 | Tổ chức tôn vinh dịch vụ công chất lượng nhất, dịch vụ công thu hút được sự tham gia rộng rãi nhất, cơ quan nhà nước vận hành tối ưu nhất, vấn đề phát triển kinh tế - xã hội đã giải quyết có kết quả đột phá nhất và cơ quan nhà nước phát triển Chính phủ số tốt nhất | Đánh giá, lựa chọn các DVC chất lượng đề tôn vinh                                                 | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ | Các hoạt động tôn vinh các cơ quan đơn vị cơ quan nhà nước, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ. | Hàng năm                        | -                                                                                                                                                                                                                                                                       |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                           | <b>Đơn vị chủ trì</b>                             | <b>Đơn vị phối hợp</b>                         | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                  | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 28        | Thực hiện đo lường, giám sát tự động tới từng hệ thống, từng dịch vụ phục vụ Chính phủ số. Định kỳ hàng tháng, hàng năm công bố kết quả đánh giá, làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, xếp hạng về Chính phủ điện tử, Chính phủ số; công khai trực tuyến các chỉ số chính trong phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số | Xây dựng công cụ đo lường, giám sát tự động, trực tuyến tới từng hệ thống, dịch vụ phục vụ chính phủ số.                                        | Cục Chuyên đổi số quốc gia                        | Các đơn vị thuộc Bộ; các Bộ, ngành, địa phương | Công cụ đo lường, giám sát tự động trực tuyến tới từng hệ thống, dịch vụ phục vụ chính phủ số.                                                           | 2021-2025                              | -                                                             |
| 29        | Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học                                                                                                                                                                       | Đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học | Cục Chuyên đổi số quốc gia, Cục An toàn thông tin | Vụ Tổ chức cán bộ                              | Nội dung phổ cập về kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở được đưa vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học. | 2023                                   | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                  | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị chủ trì                                                                            | Đơn vị phối hợp   | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                              | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                                                                                          |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 30 | Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Khung kiến trúc, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng; kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu | Triển khai bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về Chính phủ số, Khung kiến trúc, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng | Cục Chuyển đổi số quốc gia; Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TT&TT; Cục An toàn thông tin | Vụ Tổ chức cán bộ | CBCC các bộ, ngành, địa phương từ TW đến cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn                                                                                       | Hàng năm                        | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số |
| 31 | Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ số                                                                                                                                                                              | Xây dựng, hướng dẫn các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính phủ số                         | Cục Công nghiệp CNTT và TT                                                                |                   | Các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được các đơn vị thuộc Bộ sử dụng trong các hệ thống Chính phủ số | 2021-2025                       | -                                                                                                                                                                                                               |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                            | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b>     | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                                                               | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 32        | Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật | Nghiên cứu, đề xuất môi trường pháp lý cho phép thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Quy định pháp lý, hướng dẫn về thử nghiệm, chấp nhận cái mới và chấp nhận thay đổi, hình thành không gian thí điểm dịch vụ số và cho phép thử nghiệm các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật. | 2023                                   | -                                                             |
| 33        | Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ phát triển Chính phủ số                                                               | Xây dựng các chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam nghiên cứu, đầu tư xây dựng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ phát triển Chính phủ số                | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ        | Văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ.                                                                                                                                                                   | 2024                                   | -                                                             |
| 34        | Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp công nghệ số phục vụ phát triển Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt                                      | Điều phối, quy hoạch, thúc đẩy phát triển hiệu quả thị trường cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp công nghệ số phục vụ phát triển Chính phủ số của các doanh nghiệp chủ chốt.                                      | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ        | Quy định, hướng dẫn phát triển thị trường sản phẩm số, dịch vụ số; các diễn đàn, tọa đàm để thúc đẩy.                                                                                                 | 2021-2025                              | -                                                             |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                        | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                              | <b>Đơn vị chủ trì</b>      | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                          | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 35        | Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số                                         | Xây dựng quy định, chính sách khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số            | Cục Công nghiệp CNTT và TT | Các đơn vị thuộc Bộ    | Quy định, chính sách được ban hành; hình thành các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính phủ số.                                | 2021-2025                              | -                                                             |
| 36        | Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số | Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số. | Thanh tra Bộ               | Cục An toàn thông tin  | Các hoạt động thanh tra, kiểm tra về bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính phủ số được thực hiện | Hàng năm                               | -                                                             |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                               | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                   | <b>Đơn vị chủ trì</b>          | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                               | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 37        | Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội | Khai thác hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội.                                                               | Tổng Công ty bưu điện Việt Nam |                        | Mạng lưới bưu chính công ích được khai thác để hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội. | Hàng năm                               | -                                                             |
| 38        | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại Bộ                                                                                                                 | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại Bộ theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.                    | Trung tâm thông tin            |                        | Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại Bộ                                                                                                                         | 2025                                   | -                                                             |
| 39        | Phát triển hạ tầng Internet vạn vật                                                                                                                                      | Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số tại Bộ, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết | Trung tâm thông tin            |                        | Hình thành hạ tầng Internet vạn vật (IoT) của Bộ.                                                                                                                     | 2025                                   | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                     | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp       | Kết quả, dự kiến                                                    | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    |                                                                         | hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                          |                     |                       |                                                                     |                                 |                                                        |
| 40 | Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP)             | Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ Bộ và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. | Trung tâm thông tin |                       | Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP)                    | 2025                            | -                                                      |
| 41 | Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng | Phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của Bộ và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.                         | Trung tâm thông tin | Cục An toàn thông tin | Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC). | 2025                            | -                                                      |
| 42 | Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi Bộ TT&TT        | Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi Bộ để tiết kiệm thời gian,                                                                                                                                                                                                                  | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ   | Các nền tảng, hệ thống phục vụ                                      | Hàng năm                        | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                        | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                  | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                            | chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                     |                     | nội bộ Bộ, ngành TTTT.            |                                 |                                                                                                                                       |
| 43 | Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của Bộ TT&TT | Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của Bộ, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của Bộ; mở dữ liệu của Bộ theo quy định của pháp luật; hầu hết các dữ liệu chủ được lưu trữ dưới dạng máy có thể đọc được và chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API) | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ | Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành    | Hàng năm                        | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số |
| 44 | Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với Bộ                   | Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với Bộ; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trung tâm thông tin | Văn phòng Bộ        | Kho dữ liệu của công dân, tổ chức | 2025                            | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần                               |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                              | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                              | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                            |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                  | các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                 |                     |                     |                                                               |                                 |                                                                                                                                                   |
| 45 | Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của Bộ                                                                       | Xây dựng Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của Bộ nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung của Bộ                                            | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ | Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của Bộ             | 2025                            | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động |
| 46 | Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành | Phát triển Hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ | HTTT tích hợp Cổng DVC, HTTT một cửa và các HTTT chuyên ngành | 2025                            | -                                                                                                                                                 |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                       | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                        | cao trải nghiệm người dùng dịch vụ công, tiếp thu ý kiến người dân và doanh nghiệp khi xây dựng, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |                     |                                        |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 47 | Phát triển các dịch vụ công trực tuyến | Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ | Các dịch vụ công trực tuyến toàn trình | 2025                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4/toàn trình.</li> <li>- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ</li> <li>- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp</li> </ul> |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                               | Mô tả nội dung                                                                                                                                    | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến              | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                   |                     |                     |                               |                                 | <p>chính quyền từ trung ương đến địa phương;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần.</li> <li>- Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.</li> <li>- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc</li> </ul> |
| 48 | Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của Bộ | Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của Bộ | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ | Các kênh tương tác trực tuyến | 2023                            | -                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                    | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Đơn vị chủ trì</b> | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                              | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                  |
|-----------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 49        | Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo         | Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo; từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của Bộ và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ | Trung tâm thông tin   | Các đơn vị thuộc Bộ    | Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ kết nối với HTTT báo cáo Chính phủ | 2025                                   | Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo quốc gia |
| 50        | Triển khai các hệ thống làm việc từ xa        | Triển khai các hệ thống làm việc từ xa theo hướng thuê dịch vụ nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, hoàn cảnh khác nhau, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương đã được xây dựng                                                      | Trung tâm thông tin   | Các đơn vị thuộc Bộ    | Các hệ thống làm việc từ xa                                          | 2025                                   | -                                                                              |
| 51        | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống                                                                                                                                                                                                                | Trung tâm thông tin   | Các đơn vị thuộc Bộ    | Các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành                                   | Hàng năm                               | -                                                                              |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                 | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị chủ trì      | Đơn vị phối hợp       | Kết quả, dự kiến                                                                                                                         | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                                                                                                     | thông tin trong và ngoài Bộ theo nhu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |                       |                                                                                                                                          |                                 |                                                        |
| 52 | Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại Bộ                                                                                                                                | Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số tại Bộ để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hoá, thông minh hoá, tối ưu hoá các quy trình xử lý công việc | Trung tâm thông tin | Các đơn vị thuộc Bộ   | Các HTTT, nền tảng số có ứng dụng các công nghệ AI, Cloud, IoT, Mobility,...                                                             | Hàng năm                        | -                                                      |
| 53 | Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp theo chiều sâu với việc kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an | Triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bốn lớp các nền tảng, HTTT của Bộ; kiện toàn lực lượng tại chỗ; thuê lực lượng giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ kiểm tra, đánh giá; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung                                                                                                                                                                                                               | Trung tâm thông tin | Cục An toàn thông tin | Các nền tảng, HTTT của bộ được bảo đảm ATTT theo cấp độ; kiện toàn lực lượng ATTT tại chỗ; kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm giám | 2024                            | -                                                      |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                     | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị chủ trì                                    | Đơn vị phối hợp            | Kết quả, dự kiến                                                                                                      | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|    | toàn không gian mạng quốc gia                                                           | tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia                                                                                                                                                                                        |                                                   |                            | sát ATKG mạng quốc gia                                                                                                |                                 |                                                        |
| 54 | Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ                                    | Duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ bảo đảm phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và yêu cầu phát triển Chính phủ số, Chính quyền số                                                               | Trung tâm thông tin                               | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ được cập nhật theo yêu cầu của Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam bản cập nhật (nếu có) | Thường xuyên                    | -                                                      |
| 55 | Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2023                        | Xây dựng và triển khai kế hoạch hàng năm phát triển Chính phủ số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông để thực hiện Chiến lược; đồng bộ các nội dung kế hoạch với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của bộ. | Trung tâm thông tin                               | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Kế hoạch phát triển Chính phủ số năm 2023                                                                             | Hàng năm                        | -                                                      |
| 56 | Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính phủ số | Xây dựng các quy định, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở.                                                                                                                                | Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số Việt Nam | Các đơn vị thuộc Bộ        | Quy định, chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở.                              | 2024                            | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                              | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                      | <b>Đơn vị chủ trì</b>                     | <b>Đơn vị phối hợp</b>         | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                           | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                                                    |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 57        | Xây dựng Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương                                      | Nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin đã được xây dựng tại các bộ, ngành, địa phương. | Viện Công nghiệp phần mềm và nội dung số. | Các đơn vị thuộc Bộ            | Nền tảng trợ lý ảo                                                                                | 2024                                   | -                                                                                                                |
| 58        | Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp                                      |                                                                                                            | Vụ Bưu chính                              | Tổng Công ty bưu điện Việt Nam | Thúc đẩy các doanh nghiệp bưu chính công ích tham gia quá trình cung cấp DVC của cơ quan nhà nước | Hàng năm                               | -                                                                                                                |
| 59        | Mở các nền tảng quốc gia hướng tới tạo thành hệ sinh thái để các doanh nghiệp công nghệ số có thể tham gia phát triển các dịch vụ kinh tế số, xã hội số |                                                                                                            | Vụ Bưu chính                              | Tổng Công ty bưu điện Việt Nam | Dịch vụ công được cung cấp thông qua mạng lưới bưu chính công ích và ứng dụng của doanh nghiệp    | Hàng năm                               | Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                   | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị chủ trì     | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                                                                                      | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 60 | Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số                                                                                                                                                | Chủ động hợp tác quốc tế trong phát triển Chính phủ số; tham gia các sáng kiến, diễn đàn, tổ chức quốc tế về Chính phủ số; hợp tác song phương với các nước và các tổ chức kinh tế quốc tế chia sẻ kinh nghiệm quản lý, xúc tiến, vận động các chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng Chính phủ số tại Việt Nam | Vụ Hợp tác quốc tế | Các đơn vị thuộc Bộ | Tham gia các sáng kiến, diễn đàn, tổ chức quốc tế về Chính phủ số; hợp tác song phương với các nước và các tổ chức kinh tế quốc tế chia sẻ kinh nghiệm quản lý, xúc tiến, vận động các chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng Chính phủ số tại Việt Nam. | Hàng năm                        | -                                                      |
| 61 | Hỗ trợ một số nước trong phát triển Chính phủ số nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính phủ số của các doanh nghiệp Việt Nam | Hợp tác phát triển, hỗ trợ các quốc gia phát triển chính phủ số                                                                                                                                                                                                                                              | Vụ Hợp tác quốc tế | Các đơn vị thuộc Bộ | Các hoạt động hợp tác, phát triển Chính phủ số với các quốc gia.                                                                                                                                                                                      | Hàng năm                        | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                          | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                | <b>Đơn vị chủ trì</b>    | <b>Đơn vị phối hợp</b>     | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                          | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 62        | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin | Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển Chính phủ số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin. | Vụ Kế hoạch – Tài chính  | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Bố trí vốn NSNN; nguồn khác để phát triển Chính phủ số; thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT các nhiệm vụ, dự án phát triển CPS | Hàng năm                               | -                                                             |
| 63        | Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia                                  | Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng quốc gia, các ứng dụng, dịch vụ quốc gia.                                  | Vụ Kế hoạch – Tài chính  | Cục Chuyển đổi số quốc gia | Bố trí vốn từ nguồn ĐTPT triển cho các dự án phát triển hạ tầng; TTDL; CSDL; Nền tảng số quốc gia của Bộ TT&TT                   | Hàng năm                               | -                                                             |
| 64        | Giám sát và đánh giá các dự án đầu tư được thực hiện dựa trên số liệu kết quả đầu tư dự án                                                                                                          | Thực hiện các giải pháp để giám sát và đánh giá các dự án đầu tư dựa trên số liệu kết quả đầu tư dự án                                                                                               | Vụ Kế hoạch – Tài chính  | Các đơn vị có dự án đầu tư | Công cụ giám sát được xây dựng.                                                                                                  | 2024                                   | -                                                             |
| 65        | Tổ chức xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số                                                                                                                      | Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển Chính phủ số.                                                                                | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị thuộc Bộ        | Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về Chính phủ số được ban hành.                                                     | Hàng năm                               | -                                                             |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị chủ trì           | Đơn vị phối hợp     | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                                                   | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 66 | Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số | Lựa chọn ưu tiên, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có lợi thế, có thể đi tắt đón đầu cũng như có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) tạo điều kiện ứng dụng các công nghệ số tiên tiến trong triển khai Chính phủ số. Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số nghiên cứu, phát triển các ứng dụng công nghệ mới cho Chính phủ số. | Vụ Khoa học và Công nghệ | Các đơn vị thuộc Bộ | Các hoạt động nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu khoa học về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), dữ liệu lớn (Big Data) trong triển khai Chính phủ số | Hàng năm                        | -                                                      |
| 67 | Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Xây dựng Hệ thống giám sát các nền tảng số phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Vụ KTS&XHS               | Các đơn vị thuộc Bộ | Hệ thống giám sát các nền tảng số.                                                                                                                                                                                 | 2025                            | -                                                      |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                            | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                 | <b>Đơn vị chủ trì</b> | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                        | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 68        | Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ phù hợp với định hướng Chiến lược | Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ phù hợp với định hướng Chiến lược | Vụ Pháp chế           | Các đơn vị thuộc Bộ    | Các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ được sửa đổi hoặc thay thế phù hợp với định hướng Chiến lược | Hàng năm                               | -                                                             |
| 69        | Rà soát, ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số                                                                    | Triển khai rà soát, ban hành các chính sách, quy định khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số.                                                        | Vụ Pháp chế           | Các đơn vị thuộc Bộ    | Các văn bản khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số                                                            | Hàng năm                               |                                                               |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                            | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                           | <b>Đơn vị chủ trì</b> | <b>Đơn vị phối hợp</b>                                 | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                 | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                                                                                                                                                                     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 70        | Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hoá hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số | Thực hiện đơn giản hóa, lược bớt thành phần giấy tờ, hồ sơ liên quan các TTHC, đơn giản hóa qui trình giải quyết các TTHC của Bộ TT&TT                                                          | Vụ Pháp chế           | Vụ Tổ chức cán bộ; Văn phòng Bộ                        | Các hoạt động gắn kết giữa CCTTHC với phát triển Chính phủ số.                                          | 2021-2025                              | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ |
| 71        | Rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số                                                                              | Rà soát các thủ tục hành chính hiện nay, kết hợp quá trình số hóa các quy trình thủ tục, cung cấp dịch vụ số toàn trình để đơn giản hóa quy trình.; thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ. | Vụ Pháp chế           | Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc Bộ | Danh sách các thủ tục hành chính; các quy trình nghiệp vụ được cải tiến thiết kế dựa trên công nghệ số. | Hàng năm                               | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp                                   |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b>                                                                                                                                                                                                   | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                                                                                                                              | <b>Đơn vị chủ trì</b>                   | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b>                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b>                                                                              |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                    |                                         |                        |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                        | với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ                                                                                                          |
| 72        | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số                                                           | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số                                                                 | Vụ Pháp chế; Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các đơn vị thuộc Bộ    | Các hội nghị phổ biến pháp luật; các bài viết, ấn phẩm, clip, phim, phóng sự có nội dung nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số | Hàng năm                               | -                                                                                                                                          |
| 73        | Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên | Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo về kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, | Vụ Tổ chức cán bộ                       | Các đơn vị thuộc Bộ    | Khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;                                                                                                                                         | 2021-2025                              | - Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản;<br>- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mô tả nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị chủ trì                                                                       | Đơn vị phối hợp            | Kết quả, dự kiến                                                                                                                                                                                       | Thời gian thực hiện, hoàn thành | Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg               |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|    | viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng                                                                                                                           | chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.                                                                                                                                          |                                                                                      |                            |                                                                                                                                                                                                        |                                 | huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số |
| 74 | Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số phù hợp với định hướng Chiến lược | Thực hiện rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số phù hợp với định hướng Chiến lược | Các đơn vị trong Bộ                                                                  | Cục Chuyên đổi số quốc gia | Các kiến trúc, quy chế, quy định nội bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số | Hàng năm                        | -                                                                    |
| 75 | Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia                                                                                                                                                                                                     | Phát triển các nền tảng để cung cấp dịch vụ thiết yếu, cơ bản trên quy mô quốc gia, các nền tảng thương mại điện tử, giao nhận - kho vận phục vụ phát triển kinh tế số, góp phần thực hiện mục tiêu xóa nghèo,                                                                                   | theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát |                            | Các nền tảng số theo Quyết định số 186/QĐ-TTg.                                                                                                                                                         | 2025                            | -                                                                    |

| <b>TT</b> | <b>Nhiệm vụ, giải pháp</b> | <b>Mô tả nội dung</b>                                                                                                        | <b>Đơn vị chủ trì</b>                                                                                            | <b>Đơn vị phối hợp</b> | <b>Kết quả, dự kiến</b> | <b>Thời gian thực hiện, hoàn thành</b> | <b>Chỉ tiêu đo lường, đánh giá theo Quyết định 942/QĐ-TTg</b> |
|-----------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|           |                            | các nền tảng phục vụ chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Chương trình Chuyển đổi số quốc gia | triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. |                        |                         |                                        |                                                               |